

TÌM HIỂU SỰ TRUYỀN BÁ TÂY HỌC Ở TRUNG QUỐC TRƯỚC VÀ SAU THẬP NIÊN 60 THẾ KỶ XIX

NGUYỄN VĂN BẮC

Viện Lịch sử quân sự Việt Nam

Dến thế kỷ XIX, sự phát triển mạnh mẽ của chủ nghĩa tư bản đặt ra yêu cầu bức thiết về thị trường. Đây cũng được xem là cột mốc đánh dấu sự kết thúc thời gian 300 năm tự do cạnh tranh của chủ nghĩa tư bản ở Đông Á, bắt đầu một giai đoạn mới - giai đoạn xâm thực của chủ nghĩa tư bản - chủ nghĩa đế quốc. Đứng trước nguy cơ xâm lược của chủ nghĩa đế quốc phương Tây, các dân tộc Đông Á có nhiều cách thức phản ứng khác nhau. Ngoại trừ hai nước Nhật Bản và Xiêm (Thái Lan), hầu hết các quốc gia Đông Á còn lại đều bị mất quyền độc lập tự chủ, nhân dân chịu cảnh nô lệ, bị áp bức. Và Trung Quốc, một trong những nền văn minh cổ xưa nhất của nhân loại, đại diện tiêu biểu cho văn hóa phương Đông đã bị khuất phục trước sức mạnh bất khả kháng của phương Tây vào cuối thế kỷ XIX.

Nghiên cứu lịch sử Trung Quốc giai đoạn cận đại để chỉ ra nguyên nhân lý giải cho sự thất bại bi thảm của “Thiên triều” là chủ đề được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm. Trong bài viết này, với nhan đề: “*Tìm hiểu về sự*

truyền bá Tây học ở Trung Quốc trước và sau thập niên 60 của thế kỷ XIX” người viết mong muốn góp thêm một vài suy nghĩ của mình vào việc lý giải nguyên nhân dẫn đến sự thất bại của Trung Quốc cuối triều Mãn Thanh.

Văn hóa cận đại Trung Quốc hình thành và phát triển rất khác so với châu Âu. Ở phương Tây, sau thế kỷ XIV, tiếp nối Văn hóa phục hưng là sự ra đời của văn hóa tư bản chủ nghĩa, nó lấy lý tính, chủ nghĩa nhân văn và khoa học tấn công trực tiếp vào thế giới quan độc tài, mục nát của giáo hội và triết học kinh viện. Thời kỳ cuối của xã hội phong kiến Trung Quốc chưa xuất hiện phong trào văn hóa cận đại. Phải đến năm 1840, nước Anh đã dùng đại bác và nha phiến mở toang cánh cửa Trung Quốc vốn đóng kín bấy lâu, thế lực thực dân phương Tây giống như trận hồng thủy, cuốn đến Trung Quốc. Văn hóa và xã hội Trung Quốc bước vào một thời kỳ gian nan và đau khổ.

Từ thập niên 60 đến những năm 90 của thế kỷ XIX, xã hội Trung Quốc lâm vào tình trạng khủng hoảng nghiêm trọng, dân tộc

Trung Hoa rơi vào tình cảnh đen tối nhất. Học tập phương Tây lúc này chính là yêu cầu của thời đại và sự du nhập của Tây học cũng đã có điều kiện.

1. Giữa thời Minh - Thanh, hoạt động truyền giáo của giáo sĩ ngoại quốc đến Trung Hoa được xem là một trong những con đường để du nhập Tây học vào Trung Quốc cận đại. Năm 1581, sau lần đến Trung Hoa của Ricci - giáo sĩ người Italia, một số giáo sĩ khác của Italia như: Longobardi, Aleni, Luo Jacob hay giáo sĩ Schall của Đức, Ferdinand Verbiest của Bỉ liên tục đến Trung Quốc vào các năm 1607, 1612, 1624, 1622 và năm 1659¹.

Cuối thời Minh đầu thời nhà Thanh, việc truyền bá khoa học tự nhiên của phương Tây xét về quy mô và mức độ là tương đối khá quan, thời gian cũng tương đối dài, và thành quả được biểu hiện rõ nhất là trong lĩnh vực số học và thiên văn học. Dưới ảnh hưởng tác động của Tây học, có một số học giả như Lý Chi Tảo, Từ Quang Khải đã đưa ra một loạt các chủ trương như học tập kỹ thuật phương Tây, mua và chế tạo hỏa khí của Tây Dương, bắt đầu xuất hiện kiến nghị “Dương Vụ”². Đây chính là bước chuẩn bị đầu tiên về tâm lý và tri thức để 200 năm sau xuất hiện một phong trào Tây học thực sự. Đó là phong trào Dương Vụ - 洋务运动 (1861-1894).

Thời kỳ diễn ra phong trào Dương vụ, Tây học được du nhập chủ yếu dựa vào mấy con đường sau: trước tiên, vào thế kỷ XIX, giáo sĩ truyền giáo là bộ phận sớm nhất tiếp xúc, truyền bá văn hóa phương Tây vào

Trung Quốc. Tháng 12 năm 1834, các giáo sĩ Anh, Mỹ và bộ phận thương nhân ở Trung Hoa lập ra “Trung Quốc ích tri học hội”; năm 1843, Medhurst - giáo sĩ người Anh đã lập ra cái gọi là “Mặc hải thư quán”, lấy việc biên dịch in ấn “thánh kinh”, các sách truyền giáo và sách về khoa học tự nhiên làm mục đích. Mở trường là hoạt động chủ yếu của giáo hội nước ngoài. Từ năm 1840-1860, trường học ki tô có 50 trường, số học sinh là 1000 người; khoảng năm 1875, tổng số trường học ki tô là 800 trường với số học sinh là 2 vạn người³, những trường học này chủ yếu được xây dựng ở thành phố duyên hải đông nam Trung Quốc.

Các giáo sĩ truyền giáo với vai trò trung gian đã giới thiệu khoa học tự nhiên và du nhập Tây học vào Trung Quốc, mạnh mẽ nhất là sau chiến tranh nha phiến. Xã hội Trung Quốc trong bối cảnh chưa có sự chuẩn bị cần thiết, lại thêm sự chống đối quyết liệt của phái bảo thủ, bị ép buộc phải mở cửa thông thương, bộ phận giáo sĩ từ đó tiến lên một vị trí cao hơn trong trào lưu cải cách. Đến Trung Quốc, do phải đối diện với một quốc gia có truyền thống văn hóa lâu đời các giáo sĩ chỉ còn cách lợi dụng, tuyên truyền những thành tựu khoa học của phương Tây, nhờ đó đã tạo dựng được tình cảm tốt và sự tín nhiệm của nhân sĩ tiên tiến Trung Quốc lúc bấy giờ. Do đó, giáo sĩ nước ngoài đã phát triển thế lực của mình rất lớn, đồng thời với việc truyền giáo, họ đã truyền bá Tây học, khoa học kỹ thuật tự nhiên tạo nên điểm đột phá nối liền văn hóa Trung - Tây.

Tóm lại, thời kỳ phong trào Dương Vụ, phái Dương Vụ và những phần tử trí thức tiên tiến đã tạo nên những phản ứng tích cực đối với văn hóa tư bản chủ nghĩa phương Tây, khiến cho Tây học có khả năng phát triển ổn định.

“Trung học vi thể, Tây học vi dụng” là hệ thống tư tưởng cơ bản của phái Dương Vụ, cũng là tư tưởng dẫn đường của phong trào Dương Vụ. Lý luận về “Trung thể Tây dụng” là sản phẩm của xã hội và thời đại. Sau cuộc chiến tranh nha phiến, xung đột văn hóa Trung - Tây xuất hiện, nhu cầu của văn hóa phương Tây đã thức tỉnh mọi người và yêu cầu họ phải biểu hiện thái độ của mình, do đó tư tưởng “Trung thể Tây dụng” đã manh nha xuất hiện. Bắt đầu từ Ngụy Nguyên với chủ trương “sư di trường kỹ” (师夷长技)⁴, rồi đến Trương Chi Động trong cuốn “Khuyến học biên” nêu lên một cách cụ thể: “Cựu học vi thể, tân học vi dụng” (旧学为体, 新学为用), hình thành nên một lý luận văn hóa lấy cái mới để bảo vệ cái cũ. Nó trở thành nguyên tắc cơ bản để giải quyết văn hóa Trung - Tây; đồng thời nó là quy định của Trung - Tây học, là thước đo của tự cường cầu phú, có vai trò duy trì và bảo vệ địa vị thống trị của giai cấp phong kiến.

Bản chất của “Trung thể Tây dụng” là sự kết hợp của hai loại tư tưởng chủ nghĩa phong kiến và chủ nghĩa tư bản. Nếu chúng ta sử dụng quan điểm động thái học, đem nó đặt vào trong tiến độ biến đổi của xã hội Trung Quốc cận đại mà khảo sát thì sẽ phát hiện được quá trình phát triển của nó từ tích cực, tiến bộ đến tiêu cực phản động.

“Trung thể Tây dụng” trong giai đoạn đầu của quá trình tiếp xúc văn hóa Trung - Tây, là con đường chủ yếu để Trung Quốc cách tân văn hóa của mình, thúc đẩy văn hóa, giáo dục Trung Quốc tiến đến cận đại hóa một cách mạnh mẽ hơn. Nhưng trong điều kiện xã hội lúc bấy giờ, nó đã tạo nên ảnh hưởng tiêu cực đến phương châm chỉ đạo của phong trào Dương Vụ lúc bấy giờ. Đầu tiên, phái Dương Vụ áp dụng tinh thần chủ nghĩa công lợi, đem Trung học và Tây học hai thể hệ khác nhau pha trộn với nhau là không phù hợp với quy luật phát triển của xã hội. Rồi đến “Tây dụng” thay thế cho “Trung dụng”, đem kết hợp Trung thể với Tây dụng, đây là tính song trùng của việc cổ vũ Tây học và bảo tồn Trung học, như vậy trong bản chất là mâu thuẫn... Cuối cùng, chúng ta có thể rút ra “Trung thể Tây dụng” là một thể phức hợp của một loại mâu thuẫn, biểu hiện rõ tính quá độ, cùng với sự dịch chuyển của thời gian, tính chất phản động của nó dần dần được biểu hiện cụ thể.

2. Giữa thế kỷ XIX, trong giai đoạn đầu của quá trình Tây học du nhập vào Trung Quốc đã gặp phải lực cản tương đối lớn. Một mặt là do ảnh hưởng của tính khép kín trong văn hóa truyền thống Trung Hoa. Mặt khác là do sự tồn tại của chế độ khoa cử, rất nhiều văn nhân, sĩ tử nhiệt huyết dựa vào con đường khoa cử để đạt mục đích thăng quan phát tài, lòng nhiệt thành đối với khoa học kỹ thuật chân chính rất hiếm. Tất cả những điều đó, làm cho Tây học du nhập vào Trung Quốc không có được tính toàn diện và hệ thống. *Nhưng chúng ta phải thừa nhận rằng,*

Tây học được du nhập trong thời kỳ phong trào Dương Vụ đã có ảnh hưởng sâu sắc đối sự phát triển của xã hội Trung Quốc. Nguyên nhân căn bản được coi là động lực tạo nên sự tiến bộ của văn hóa nằm ở sự giao lưu và biến đổi, tính giao thoa, tính khai phóng là tính chất tự thân của văn hóa, đương nhiên một hình thái văn hóa biến đổi được là do cơ sở kinh tế quyết định. Sự hội tụ văn hóa Trung - Tây là xu thế khách quan tất nhiên.

3. So sánh sự truyền bá Tây học ở Trung Quốc với Nhật Bản giúp chúng ta có cái nhìn toàn diện và thấu triệt hơn trong việc đi tìm câu trả lời cho nguyên nhân thất bại của Trung Quốc vào cuối thế kỷ XIX, cũng như sự thành công của Minh trị Duy tân ở Nhật Bản.

Trước sự xâm lược của các đế quốc phương Tây, Nhật Bản nhận thức được nguy cơ đó sâu sắc hơn Trung Quốc; kinh tế thương mại Nhật Bản cũng phát đạt hơn Trung Quốc; và địa vị thống trị của Nho giáo ở Nhật không kiên cố giống như ở Trung Quốc; Nhật Bản lại có một thời kỳ dài hấp thụ văn hóa tiên tiến ngoại lai... Chính những nguyên nhân đó khiến cho Tây học được truyền bá ở Nhật Bản có hiệu quả hơn nhiều so với ở Trung Quốc vào thập niên 60 thế kỷ XIX.

Sự truyền bá Tây học ở Trung Quốc chưa thể thu được kết quả giống như ở Nhật Bản, trong giai cấp thống trị Trung Quốc lúc bấy giờ số người có thể tiếp xúc và hiểu về văn hóa phương Tây ít hơn rất nhiều so với Nhật Bản. Dựa theo “*Phúc Trạch luận cát truyền*”

ghi lại: Năm 1862, Phúc Trạch⁵ trong lần giao lưu, luận bàn với một người Trung Quốc về tình hình học tập văn hóa phương Tây của hai nước Trung - Nhật, người Trung Quốc hỏi Phúc Trạch: “*Nhật Bản có bao nhiêu người có thể dạy, đọc sách Dương?*” Phúc Trạch trả lời: “*Cả nước có chừng năm trăm người*”. Phúc Trạch hỏi lại: “*Trung Quốc có bao nhiêu?*”. Người Trung Quốc đó nghĩ một chốc, hồ thẹn nói: “*Chỉ có mười người*”. Những con số này chưa hẳn đã chuẩn xác, nhưng qua đó phần nào cho thấy sự chênh lệch rất lớn giữa hai nước Trung - Nhật về phương diện này. Phúc Trạch lại nói: Nhật Bản từ Bảo Lịch (1751-1764, Minh Hòa (1764-1772) đến nay đã có mấy chục năm Hà Lan học; Hoàng Hóa (1844-1848), Gia Vĩnh (1848-1854) Hà Lan học và trí thức Nhật Bản đã tiến bộ rất nhanh. Còn Trung Quốc cho đến tận năm 1898, Lỗ Tấn khi vào Giang Nam đọc sách ở Thủy sư học đường, đã đưa ra: “*Sách nên đọc là sách chính quy. Cái gọi là học Dương Vụ, chỉ làm cho con người và xã hội làm đường lạc lối, chẳng khác nào đem linh hồn bán cho quỷ, phải không ngừng mỉa mai và bài xích nó*”⁶. Do đó, thế lực bảo thủ ngoan cố trong giai cấp thống trị của Trung Quốc mãi mãi không thể nào vượt qua được giai cấp võ sĩ Nhật Bản. Rất nhiều hoạt động của phái Dương Vụ gặp phải sự phản kháng nghiêm trọng hơn so với Nhật Bản. Năm 1867, Đồng văn quán quyết định thi tuyển chọn học sinh học tập thiên văn, toán học, đại học sĩ Oai Nhân Suất (倭仁率) là người đầu tiên phản đối, ông ta nói như sau:

“立国之道，尚礼义不尚权谋；根本之图，在人心不在技艺”，“何必师夷人！”。 Nghĩa là: *Đạo lập quốc coi trọng lễ nghĩa không xem trọng quyền mưu; cái gốc rễ của mọi việc là ở lòng dân chứ không phải ở kỹ nghệ, hà tất phải học người Tây!*

Phái Dương Vụ của Trung Quốc do sự khồng chế của thế lực ngoan cố và ngay cả trình độ nhận thức văn minh phương Tây trong bản thân những người lãnh đạo phái Dương Vụ cũng còn thấp hơn Nhật Bản nhiều. Do đó, phái Dương Vụ của Trung Quốc khó có thể tạo ra một phái cách mạng cấp tiến giống như Nhật Bản để đưa ra chính sách phục hưng đất nước; điều này làm cho họ chỉ có thể dừng lại ở trình độ “Trung thể Tây dụng” mà chưa thể đưa ra phương kế thích hợp phát triển chủ nghĩa tư bản ở Trung Quốc.

Trên đây là đôi nét khái quát về quá trình Tây học du nhập vào Trung Quốc trước và sau thập niên 60 của thế kỷ XIX. Từ kết quả của quá trình truyền bá văn minh phương Tây vào Trung Quốc cũng như thông qua một vài so sánh với Nhật Bản về vấn đề này, phần nào giúp chúng ta nhận thấy rõ hơn nguyên nhân tại sao Trung Quốc thất bại bi thảm và Nhật Bản lại thành công rực rỡ như vậy. Thực tế lịch sử đã cho thấy, Nhật Bản sớm nhận thức được sự lạc hậu của mình và sức mạnh vượt trội của văn minh phương Tây nên đã chủ động học tập, tiếp thu toàn diện và hệ thống đối với văn hóa ngoại lai này. Nhật Bản là quốc gia đi tiên phong trong quá trình học tập và tiếp thu thành công văn minh phương Tây, để rồi từ đó thực hiện sự nghiệp cải cách chấn động

Đông Á và thế giới, trở thành cường quốc tư bản đầu tiên ở khu vực vào cuối thế kỷ XIX.

Ngược lại hoàn toàn với sự thần kỳ của Nhật Bản là Trung Quốc. Phải chăng Trung Quốc đã quá say sưa với những công hiến huy hoàng trong thời cổ đại, mà không để tâm đến sự vươn mình mạnh mẽ của phương Tây vào thời trung đại, để rồi chịu thất bại nhục nhã vào thời cận đại? Bài học lịch sử đó sẽ không cho phép Trung Quốc hay bất cứ quốc gia, bất cứ dân tộc nào lãng quên. Thế giới luôn vận động biến đổi không ngừng, nếu quá say sưa với chiến thắng mà không tự nhìn lại chính mình, suy ngẫm lại để mà đúc rút kinh nghiệm từ chính những cái đã làm nên chiến công huy hoàng trước đó thì sớm muộn cũng bị thời đại vượt qua, khó tránh khỏi sự tụt hậu, khinh miệt và thất bại.

CHÚ THÍCH:

¹ 孔令仁, 李德征 (主编): “中国近代化与洋务运动”, 山东大学出版社, 1992, 346 页。

² Những việc liên quan đến người Tây.

³ 孔令仁, 李德征 (主编): “中国近代化与洋务运动”... 348 页。

⁴ 孔令仁, 李德征 (主编), “中国近代化与洋务运动”... 351 页。

⁵ tức Fukuzawa Yukichi.

⁶ 孔令仁, 李德征 (主编), “中国近代化与洋务运动”... 384 页。